

MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẠO ĐỨC VÀ PHÁP LUẬT TRONG VIỆC ĐIỀU CHỈNH HÀNH VI CỦA CON NGƯỜI

VŨ TRỌNG DUNG^(*)

I. Luật pháp, đạo đức và hành vi của con người

Mỗi xã hội, để có thể vận động và phát triển, đều có những hệ thống chuẩn mực, có thể là của một vùng dân cư, một nhóm người, một dòng họ, có thể là của cả một cộng đồng lớn, một dân tộc, một giai cấp, một thời đại. Hệ thống chuẩn mực này chính là những giá trị xã hội gốc để điều chỉnh hành vi của con người trong quan hệ với nhau. Đứng trên phương diện ý thức xã hội, có thể thấy có ba hệ thống chuẩn mực phổ quát: hệ thống chuẩn mực pháp luật, hệ thống chuẩn mực đạo đức và hệ thống chuẩn mực thẩm mỹ.

Hệ thống chuẩn mực pháp luật là một hệ thống chuẩn mực bắt buộc mọi người phải tuân theo; chúng quy định các hành động, hành vi của người này đối với người khác trong xã hội phải làm như vậy, không được làm như vậy, cho phép làm như vậy. Các chuẩn mực pháp luật là những chuẩn mực cứng bắt buộc mọi người, mọi nhóm người trong xã hội phải tuân theo. Các chuẩn mực pháp luật có liên hệ mật thiết với sự đánh giá hành động và hành vi của con người trong xã hội, và chỉ xem xét hành động và hành vi của người này đối với người

khác có ảnh hưởng tới mối quan hệ xã hội.

Trên một hệ chuẩn cho phép hoặc không cho phép, pháp luật xác định giới hạn tự do của những hành động và hành vi của một cộng đồng người trong xã hội. Pháp luật cổ vũ những việc tốt, những người tốt, nhưng cũng không xâm phạm vào tự do đối xử tốt với người này và đối xử không tốt với người khác của mỗi người. Sự hiểu biết về động cơ cũng có ý nghĩa lớn đối với các hành vi về mặt pháp lý, tuy vậy pháp lý không có quyền cho phép hay không cho phép mỗi người phải tốt với người này và không tốt với người khác. Pháp luật quan tâm đến các mối quan hệ chủ quan và khách quan, thống nhất và khác biệt của mọi hành vi, đến quy mô khách quan và tính xác định của hành vi.

Trong tư tưởng của Hegel thì đạo đức là pháp lý tối thiểu và pháp lý là đạo đức tối đa. Và đối với việc điều chỉnh hành vi của con người thì hai hệ chuẩn mực này có cùng một bản chất, chỉ khác nhau ở hình thức thực hiện.

^(*) PGS. TS., Giảng viên cao cấp, Học viện Chính trị – Hành chính khu vực I.

Chúng ta có thể hiểu, pháp lý là đạo đức tất yếu mọi người phải tuân theo, còn đạo đức được tự do hơn, bởi vì nó chỉ gắn với các chuẩn mực tối thiểu của pháp lý. Ở phương diện hành vi của con người, con người phải tuân theo chuẩn mực tối thiểu tức pháp lý, và có thể có những sở thích cá nhân trên nền tảng một pháp lý tối thiểu.

Trong những chuẩn mực điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội thì các chuẩn mực đạo đức giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. Đạo đức, đạo lý là một thành tố quan trọng của ý thức xã hội, một cơ chế điều chỉnh hành vi của con người, là phương thức xác lập mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, giữa lợi ích của người này và người khác, của cá nhân với cộng đồng..., chúng trở thành một chuẩn mực quan trọng của nhân cách, chúng có quy tắc, phép tắc, nguyên tắc.

Khi nghiên cứu mối quan hệ giữa đạo đức và hành vi của con người, người ta nghiên cứu cả những điều kiện khách quan và chủ quan. Nếu luật pháp xem nặng tính khách quan thì đạo đức rất coi trọng những động cơ chủ quan. Có người có hành vi tưởng là tốt, tưởng là thiện nhưng họ làm với một động cơ xấu. Những cái gọi là phẩm chất đạo đức phải được phân tích cả về mặt động cơ và hiệu quả. Việc nghiên cứu mối quan hệ giữa đạo đức và hành vi, xét đoán hành vi của con người về mặt đạo đức, phải đi từ bản chất thật sự của những động cơ tạo thành hành vi.

Trong các quan hệ đạo đức, yếu tố khách quan của hành vi không phải lúc nào cũng trùng hợp với yếu tố chủ quan của nó. Có rất nhiều hành vi, xét về mặt đạo đức tuyệt đối thì là vô đạo đức,

nhưng xét về mặt ý nghĩa xã hội thì nó lại là có đạo đức. Ví dụ: ăn cắp là xấu, đó là xét đạo đức về mặt tuyệt đối, nhưng ăn cắp của kẻ thù để phục vụ tổ quốc thì về ý nghĩa xã hội nó lại không phải là hành vi ăn cắp; giết người là hành vi phạm pháp, nhưng giết người ác, giết quân thù là hành vi đạo đức. Không làm sáng tỏ mục đích và động cơ của hành vi thì không thể đánh giá chính xác hành vi ấy về mặt đạo đức.

Ý thức đạo đức được thể hiện qua các hành vi đạo đức. Các hành vi đạo đức vừa là biểu hiện của nhận thức và tình cảm đạo đức cá nhân, vừa bị chi phối bởi các chuẩn mực đạo đức của cộng đồng. Quan niệm của cá nhân về nghĩa vụ xã hội là tiền đề của hành vi đạo đức cá nhân. Nó quyết định sự lựa chọn các dạng hành vi khác nhau đối với quan hệ xã hội này hay quan hệ xã hội khác.

Mỗi người có một tính cách mang bản chất cá nhân sâu sắc. Mỗi tính cách đều bao hàm tính xác định của những nhu cầu, lợi ích, xu hướng nhất định thông qua các hoạt động sống và giao tiếp. Tính cách là sản phẩm của quá trình đối tượng hóa và chủ thể hóa trong thực tiễn hoạt động của mỗi con người. Các hành vi đạo đức tích cực hay tiêu cực của con người đều gắn với môi trường gia đình, xã hội, chế độ giáo dục và phẩm chất của nhân cách.

Giá trị của những hành vi đạo đức đều được thông qua một hệ thống đánh giá. Hệ thống đánh giá này xét cả mặt khách quan và mặt chủ quan của hành vi. Đánh giá mặt khách quan của hành vi tương đối thuận lợi, bởi vì nó gắn với các lợi ích chung của xã hội mà mọi người dễ đồng cảm. Song, đánh giá giá

trị đạo đức của hành vi về mặt chủ quan là rất khó khăn. Vì thế việc đánh giá các hành vi về mặt đạo đức cần có sự thống nhất giữa mặt khách quan và mặt chủ quan. Thế nào là một hành vi thiện, thế nào là một hành vi ác - đều phải được xem xét cả ý nghĩa khách quan và động cơ chủ quan của nó.

Có thể nói các chuẩn mực luật pháp và các chuẩn mực đạo đức trong việc điều chỉnh hành vi của con người có những yếu tố chung và riêng, có những tác dụng giống nhau và khác nhau trong đời sống xã hội.

II. Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật với việc điều chỉnh hành vi

Mỗi xã hội vận động, phát triển ổn định được đều nhờ đến một hệ thống phức tạp những chuẩn mực tương tác nhau, vừa kìm trói, vừa định hướng, vừa giải phóng các năng lực hoạt động, các hành vi của cá nhân theo một phương thức sản xuất, một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Trong số các hệ thống chuẩn mực xã hội phức tạp ấy thì sự tương tác của hai hệ thống chuẩn mực pháp luật và đạo đức có ý nghĩa rất quan trọng đến sự phát triển cái đúng và cái tốt của đời sống xã hội.

Hệ thống chuẩn mực luật pháp đặc trưng cho công lý, xét đoán và quyết định những hành vi đúng sai của xã hội. Nó có cả một hệ thống thiết chế tòa án, công an, nhà tù để cổ vũ cái đúng, trừng trị và ngăn chặn cái sai. Còn hệ chuẩn mực đạo đức đặc trưng cho điều thiện, cho lương tâm, cho vinh dự, cho trách nhiệm, cho ý nghĩa của cuộc sống. Nó cổ vũ cái tốt, cái tình, cái nghĩa và chống lại cái gian, cái ác, cái giả, thông qua dư luận xã hội và những nhân cách đạo đức.

Loại chuẩn mực pháp lý là loại chuẩn mực bắt buộc đối với tất cả mọi người sống trong một quốc gia, buộc họ phải làm, phải tuân theo. Ngoài ra còn hệ chuẩn mực có tính đề nghị có thể tuân theo với các phong cách khác nhau, các vùng miền khác nhau, các quan hệ văn hóa khác nhau, đó là các chuẩn mực về hành vi có thể làm, được phép làm cũng nằm trong lĩnh vực điều chỉnh của hệ thống chuẩn mực luật pháp. Có nghĩa là trong hệ thống các chuẩn mực tác động tới sự vận động xã hội về phương diện pháp luật, có cả hệ thống chuẩn mực tối thiểu và hệ thống chuẩn mực tối đa điều chỉnh các hành vi. Đó là các hệ thống chuẩn mực ngăn cấm, bắt buộc và cho phép. Ví dụ: mọi người phải có nghĩa vụ đối với tổ quốc, phải bảo vệ tổ quốc, phải trung thành với tổ quốc; trốn tránh nghĩa vụ đối với tổ quốc, phản bội tổ quốc, làm tay sai cho kẻ thù đều sẽ bị trừng trị, đó là thuộc hệ chuẩn mực tối thiểu. Một ví dụ khác là: Hệ chuẩn mực tối đa cho phép công dân trong nước được tố cáo kẻ tham nhũng nếu biết, nhưng nếu không tố cáo, luật pháp cũng không trừng trị với điều kiện người đó không liên quan trực tiếp tới hành vi tham nhũng – đó là thuộc hệ chuẩn mực tối đa.

Hệ chuẩn mực tác động vào các hành vi đạo đức thuộc về phạm trù nên làm và không nên làm. Nó tuy rất gần với hệ chuẩn mực tối đa trong pháp luật, nhưng thực tế lại hoàn toàn khác. Đây là hệ chuẩn mực tối đa tự do, tự nguyện, không có điều khoản cho phép được làm hay không được làm. Nó không có sự cưỡng bức của nhà nước, và không có một sự trừng phạt nào của hiến pháp và pháp luật. Tuy nhiên, dư luận xã hội có kiểm tra hành vi này,

lượng tâm cũng kiểm tra hành vi này, phong tục, tập quán đánh giá hành vi này. Đó cũng là sự trừng phạt của lương tri, người ta gọi là trừng phạt bên trong tạo nên sự xấu hổ để gạt bỏ cái xấu, thúc đẩy xã hội vận động tốt đẹp hơn. Đây chính là sự điều chỉnh của các chuẩn mực đạo đức tới hành vi.

Hệ chuẩn mực đạo đức trong điều chỉnh hành vi có nhiều điểm gần giống với hệ chuẩn mực pháp luật, nhưng có một khác biệt cơ bản - đó là tính tự nguyện. Tự nguyện của đạo đức khác với sự cho phép của luật pháp, trong những tình huống nhất định thì chuẩn mực đạo đức điều chỉnh hành vi của con người qua tác động đến sự tự giác của chủ thể. Ví dụ: chuẩn mực đạo đức đòi hỏi con người sống công bằng, sống có trách nhiệm đối với mình và với người khác, chứ pháp luật không bắt buộc con người phải thực hiện tuyệt đối như vậy. Công bằng như vậy là những hành vi được thôi thúc từ bên trong do khát vọng cá nhân, chứ không phải do pháp luật quy định. Phật giáo và Thiên Chúa giáo là những hệ chuẩn mực đạo đức như vậy. Nó tìm cách ngăn ngừa tội ác và cổ vũ lòng nhân ái, tình yêu thương con người trong mọi hoàn cảnh và mọi trường hợp bằng hệ thống đạo đức của mình.

Tuy có nhiều điểm tương đồng, nhưng về bản chất, các chuẩn mực đạo đức và các chuẩn mực pháp luật vẫn có những khác biệt nhất định. Bản chất của các chuẩn mực pháp luật là can thiệp trực tiếp, định hướng duy nhất và thống nhất những điều, những hành vi phải làm, được phép làm, không được phép làm để đảm bảo cho xã hội có kỷ cương, trật tự, thống nhất. Yêu cầu tối thiểu của các chuẩn mực pháp luật là phải công bằng, không cho phép người

này làm hại người khác. Còn bản chất của các chuẩn mực đạo đức là khuyến thiện, diệt ác từ trong tâm, để tự bản thân mỗi người tốt hơn và xã hội cũng tốt hơn. Yêu cầu tối đa của đạo đức là yêu cầu giác ngộ, giác tha làm cho mình hoàn thiện và người khác trong xã hội cũng hoàn thiện.

Các chuẩn mực luật pháp và chuẩn mực đạo đức tác động đến mọi hành vi của con người trong đời sống xã hội theo định hướng răn đe và khuyên nhủ, tạo nên sự phát triển cân bằng và hài hòa giữa những việc không được phép làm hay được phép làm với những việc nên làm và mong muốn được làm. Hai hệ chuẩn mực này có sự tương tác biện chứng, chuẩn mực này hỗ trợ cho chuẩn mực kia để con người trong xã hội tự điều chỉnh mình.

Tuy nhiên, chúng ta cần nhận thức rõ các chuẩn mực pháp luật là biểu hiện của ý chí nhà nước, còn chuẩn mực đạo đức là biểu hiện của dư luận xã hội và lương tâm con người. Tất nhiên, nếu nhà nước ấy là biểu hiện ý chí của xã hội thì chuẩn mực pháp luật cũng thể hiện dư luận xã hội. Cũng như vậy, rất nhiều chuẩn mực đạo đức điều chỉnh các hành vi của con người trong đời sống xã hội thống nhất với các chuẩn mực của pháp luật. Điều này không phải vì đạo đức và pháp luật đồng nhất với nhau, chuẩn mực đạo đức và chuẩn mực luật pháp là một, mà là vì có sự tương tác giữa ý chí nhà nước và ý chí xã hội, giữa các hình thái ý thức này với hình thái ý thức khác trong hệ thống ý thức xã hội. Ví dụ: Tội ác và vô đạo đức có mối liên hệ với nhau, nhưng khác nhau về chất; tội ác sẽ bị nhà nước, pháp luật trừng phạt; còn vô đạo đức sẽ bị xã hội, dư luận xã hội lên án. Trốn tránh nghĩa vụ quân sự

sẽ bị pháp luật trừng trị; còn trốn tránh nghĩa vụ học tập, nghĩa vụ tự rèn luyện sẽ bị xã hội phê phán.

Các chuẩn mực pháp luật và các chuẩn mực đạo đức có hình thức và cường độ khác nhau trong việc điều chỉnh các hành vi của con người trong xã hội, và bản thân chúng cũng tác động trực tiếp đến nhau tùy theo những định hướng của xã hội và bản chất của nền văn hóa. Với một nền văn hóa quan tâm sâu sắc đến đạo đức, có những hệ thống chuẩn mực đạo đức bền vững, nếu muốn thay đổi một chuẩn mực đạo đức nào đó cho phù hợp với bước tiến của xã hội, thông thường phải nhờ đến các chuẩn mực pháp luật định hướng lại hành vi. Có những nền văn hóa có nhiều tục lệ lạc hậu, muốn xóa bỏ nó cần phải có sự tác động mạnh mẽ và liên tục của các chuẩn mực pháp luật. Ngược lại, trong rất nhiều nền văn hóa, hệ thống luật pháp còn nghèo nàn, những chuẩn mực pháp luật không đáp ứng được nhu cầu phát triển đạo đức mới của xã hội thì dư luận xã hội sẽ đòi hỏi phải hoàn chỉnh hệ thống luật pháp cho phù hợp.

Sự tương tác giữa các chuẩn mực pháp luật và các chuẩn mực đạo đức trong quá trình phát triển của xã hội đều gắn với những yêu cầu phát triển của xã hội. Có những xã hội ưu tiên phát triển các chuẩn mực đạo đức, mà các chuẩn mực pháp luật không được phát triển tương ứng. Ngược lại, cũng có những thời kỳ, các chuẩn mực pháp luật lại được phát triển ưu tiên.

Ở nhiều nền văn hóa ở phương Đông, có thời kỳ giai cấp thống trị đã ưu tiên điều hành đất nước theo những chuẩn mực đạo đức, ngược lại cũng có những thời kỳ theo các chuẩn mực luật pháp.

Sự thật thì trong các xã hội có áp bức giai cấp, cả các chuẩn mực luật pháp và các chuẩn mực đạo đức đều có tính giai cấp. Cho dù đó là xã hội ưu tiên pháp trị hay ưu tiên đức trị thì bản thân các chuẩn mực pháp luật hay các chuẩn mực đạo đức đều phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị trong quá trình phát triển của xã hội.

Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người suốt thế kỷ XX đã làm thay đổi rất nhiều hệ chuẩn mực pháp luật và đạo đức ở nhiều dân tộc có chế độ chính trị khác nhau, có quá trình lịch sử và truyền thống khác nhau. Vì thế mà sự tương tác của những hệ chuẩn mực pháp luật và đạo đức trong việc điều chỉnh các hành vi của con người không thể duy nhất hóa theo một mô hình của bất cứ một quốc gia nào, dù nó là cường quốc, nó phải gắn liền với những truyền thống lịch sử, truyền thống văn hóa, bởi vì tất cả các hình thái của ý thức xã hội đều có tính kế thừa với tư cách là sự phát triển độc lập tương đối của đời sống xã hội.

Trong mỗi nền văn hóa khác nhau, ở những giai đoạn phát triển lịch sử khác nhau, quan hệ giữa các chuẩn mực đạo đức và pháp luật với việc điều chỉnh hành vi là khác nhau. Có thời kỳ xã hội bị băng hoại về đạo đức, người ta lại tăng cường các chuẩn mực luật pháp để giữ gìn sự bình yên của xã hội. Ngược lại, có những thời kỳ pháp trị quá hà khắc, người ta lại đề cao tính nhân ái, lòng khoan dung của đạo đức. Cũng có những thời kỳ xã hội phát triển ở những bước giao thời, các chuẩn mực đạo đức và các chuẩn mực pháp luật đều vô hiệu quả trong việc định hướng xã hội. Đó là những thời kỳ xã hội có sự rối loạn, sự

vô chuẩn mực, sự lệch chuẩn, nó báo hiệu những đổi thay to lớn, căn bản trong đời sống.

III. Một số vấn đề về quan hệ giữa luật pháp và đạo đức trong xã hội Việt Nam hiện nay

Từ khi bước vào thời kỳ đổi mới, chúng ta phát triển đất nước theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa kéo theo việc phải có các cơ chế đạo đức và pháp luật tương ứng. Trước hết, phải duy trì được các lực cạnh tranh và đảm bảo lợi nhuận cho các chủ thể cạnh tranh. Phải làm thế nào để hài hòa lợi ích giữa người này và người khác, giữa tập thể và cá nhân, và điều chỉnh các hành vi khao khát lợi nhuận tối đa, cổ vũ sự làm giàu chính đáng; cho phép tính năng động sáng tạo, cổ vũ những tiềm năng lao động. Bên cạnh đó, phải xác lập được một hệ chuẩn mực đạo đức và luật pháp nhân đạo và khắc phục tình trạng phát triển một chiều. Đồng thời, phải kích thích các phẩm chất ưu tú của cá nhân, hướng cá nhân tới trách nhiệm đạo đức trước cộng đồng trong mọi hành vi của mình, thúc đẩy tính năng động tự giác của các cá nhân. Phải phát triển những giá trị đạo đức tốt đẹp truyền thống, tiếp thu các tinh hoa đạo đức tốt đẹp của thế giới; gắn lợi ích của cá nhân với cộng đồng. Cơ chế đạo đức và pháp luật trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không giống với cơ chế đạo đức và pháp luật của thị trường tư bản chủ nghĩa hướng tới lợi nhuận cá nhân tối đa và bằng mọi thủ đoạn.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay, việc xác lập cơ chế đạo đức và pháp luật mới phù hợp với sự vận động của nền kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang là vấn đề hết sức cần thiết.

Những năm qua, như nhiều văn kiện của Đảng đã chỉ rõ, những hiện tượng phai nhạt về lý tưởng, sa sút về lối sống, băng hoại về đạo đức xảy ra trong xã hội ta với tần số ngày càng gia tăng. Một phần nguyên nhân là do cơ chế đạo đức và luật pháp mới chưa tác động được vào chiều sâu của nền kinh tế thị trường, yếu tố định hướng xã hội của nó không đủ mạnh để đẩy lùi các tiêu cực đạo đức và cổ vũ mạnh mẽ cho những nhân tố đạo đức tốt đẹp nảy sinh trong con người.

Trước thực trạng đó, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm sâu sắc đến việc điều chỉnh và thúc đẩy các chuẩn mực đạo đức bằng việc hoàn thiện hệ thống chuẩn mực luật pháp. Hàng trăm văn bản pháp luật mới đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực. Tuy nhiên, việc phổ biến luật pháp tới mọi tầng lớp xã hội còn chậm và hiệu lực của nó chưa có tác dụng rộng rãi trong toàn xã hội. Những bộ luật quan trọng như Tiết kiệm và phòng chống tham nhũng, Bảo vệ môi trường, Vệ sinh và an toàn thực phẩm, Giao thông vận tải... hầu như chưa phổ cập sâu rộng trong xã hội, mặc dù nó tối cần thiết cho đời sống hàng ngày của công dân.

Muốn thay đổi thực trạng này, trước hết cần giáo dục việc nhận diện các quan hệ đạo đức tích cực và tiêu cực đang vận động trong đời sống xã hội, phân tích quy luật biểu hiện của chúng, xác lập những chuẩn mực cơ bản điều chỉnh hành vi đạo đức của con người trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cần thiết phải hiểu rõ cơ chế thị trường hiện đại ở

nước ta và những chuẩn mực đạo đức phản ánh và điều chỉnh hành vi con người trong cơ chế ấy.

Cùng với việc giáo dục các chuẩn mực đạo đức mới, nhất thiết phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Ở đây có hai khái niệm phải làm rõ là Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước pháp quyền phải là Nhà nước lập hiến, điều hành đất nước theo hiến pháp và luật pháp. Hiến pháp và luật pháp là người phán xử cao nhất. Nhà nước pháp quyền là Nhà nước phân định rõ ràng ba chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp thuộc về ba cơ quan quyền lực khác nhau. Nhà nước pháp quyền là Nhà nước mà mọi người trong xã hội là công dân, bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước pháp quyền là Nhà nước gắn với các quan hệ pháp luật quốc tế.

Chúng ta xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì trước hết đó phải là Nhà nước pháp quyền. Tính chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta trước hết là tính nhân văn. Nhân dân tham gia lãnh đạo Nhà nước, nhân dân trực tiếp hay gián tiếp trao quyền lực cho Nhà nước, Nhà nước phải phục vụ nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Tuy nhiên, nhiều người được dân trao quyền không hiểu rõ điều này đã lạm quyền vi phạm nghiêm trọng bản chất tính nhân dân của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của chúng ta điều hành xã hội bằng hiến pháp và pháp luật chứ không phải là mệnh lệnh chủ quan của cá nhân. Luật pháp là quy tắc ứng xử chung của xã hội. Luật pháp xã hội chủ nghĩa là luật pháp tiến bộ,

công bằng phản ánh ý chí và nguyện vọng của nhân dân, xóa bỏ áp bức, bóc lột, tôn trọng con người. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mạnh mẽ có ý nghĩa rất to lớn trong việc đưa nhân dân lên làm chủ đất nước; chống lại những biểu hiện phi đạo đức, vô tổ chức, quan liêu, hống hách, lạm quyền, lạm quyền, làm cho xã hội phát triển tốt đẹp.

Tuy nhiên, giải pháp then chốt phải đi từ xuất phát điểm là chỉnh đốn Đảng. Chỉnh đốn Đảng theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là một cuộc chiến đấu khổng lồ để chống lại cái hư hỏng, xây dựng những gì mới mẻ, đẹp đẽ. Trong xã hội ta, Đảng là người lãnh đạo, người tổ chức và là người đẩy tố trung thành của nhân dân. Chỉnh đốn Đảng là chỉnh đốn cơ quan lãnh đạo, chỉnh đốn người tổ chức, chỉnh đốn người thực thi, người công bộc của xã hội. Đó là cuộc chỉnh đốn vĩ đại, căn bản và toàn diện các quan hệ đạo đức và luật pháp. Nếu người lãnh đạo, người tổ chức, người công bộc của xã hội nêu gương sống, lao động, sinh hoạt, làm việc theo đạo đức mới và pháp luật xã hội chủ nghĩa thì tác dụng xã hội của nó to lớn và toàn cục. Đầu não chuyển động, tổ chức chuyển động, công bộc chuyển động, xã hội sẽ vận động theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4. H.: Chính trị quốc gia, 2000.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. H.: Sự thật, 1991.